

SỞ Y TẾ NGHỆ AN  
**TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT**

Số 220 /KSBT-DVT

V/v mời chào giá dịch vụ bảo dưỡng, hiệu chuẩn.  
kiểm định trang trang thiết bị

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Nghệ An, ngày 22 tháng 08 năm 2023*

***Kính gửi: Các nhà cung cấp dịch vụ tại Việt Nam***

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho các gói thầu: Bảo dưỡng trang thiết bị y tế; trang thiết bị chuyên dùng năm 2023; Hiệu chuẩn, kiểm định trang thiết bị y tế; trang thiết bị chuyên dùng năm 2023 với nội dung cụ thể như sau:

**I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá**

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, địa chỉ: Số 140 đường Lê Hồng Phong, thành Phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

Nguyễn Đức Hải – 0918713777. Địa chỉ: Khoa Dược VTYT – Trung tâm KSBT tỉnh Nghệ An.

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

Ghi rõ cách tiếp nhận báo giá theo một trong các cách thức sau:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Số 140 đường Lê Hồng Phong, thành Phố Vinh, tỉnh Nghệ An

- Nhận qua Email: [Hailatoi123@gmail.com](mailto:Hailatoi123@gmail.com)

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 14h ngày 22 tháng 08 năm 2023 đến trước 17h ngày 31 tháng 08 năm 2023

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày kể từ ngày 31 tháng 08 năm 2023.

**II. Nội dung yêu cầu báo giá**

Danh mục các dịch vụ yêu cầu báo giá:



1. Danh mục Bảo dưỡng các trang thiết bị y tế: Phụ lục I kèm theo
2. Danh mục Bảo dưỡng các thiết bị chuyên dùng: phụ lục II kèm theo
3. Danh mục hiệu chuẩn, kiểm định các trang thiết bị: Phụ lục III kèm theo

Mọi thắc mắc xin vui lòng liên hệ: Khoa Dược – VTYT, Trung tâm Kiểm soát Bệnh tật tỉnh Nghệ An (Ths Nguyễn Đức Hải - SĐT: 0918713777), địa chỉ: Số 140 Lê Hồng Phong, Tp.Vinh, tỉnh Nghệ An.

*Xin trân trọng cảm ơn sự hợp tác của quý đơn vị!*

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Ban giám đốc;
- Đăng Website TT;
- Lưu VT, Dược- VTYT.



**GIÁM ĐỐC**



**Chu Trọng Trang**



**Mẫu báo giá**

*Áp dụng đối với gói thầu cung cấp dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng, kiểm định, hiệu chuẩn trang thiết bị y tế*

**BÁO GIÁ<sup>(1)</sup>**

**Kính gửi: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An**

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, chúng tôi.....[ghi tên, địa chỉ của nhà cung cấp; trường hợp nhiều nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cung cấp dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng, kiểm định, hiệu chuẩn trang thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cung cấp dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng, kiểm định, hiệu chuẩn trang thiết bị y tế.

| STT        | Danh mục dịch vụ | Mô tả dịch vụ | Khối lượng mời thầu | Đơn vị tính | Đơn giá | Thành tiền |
|------------|------------------|---------------|---------------------|-------------|---------|------------|
| 1          |                  |               |                     |             |         |            |
| Tổng cộng: |                  |               |                     |             |         |            |

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: 90 ngày, kể từ ngày ... tháng năm 202..., ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày, kể từ ngày ... tháng năm 202... [ghi ngày ....tháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

, ngày.... tháng 04 năm 2023

**Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp<sup>(2)</sup>**  
(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

(1) Nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này. Trường hợp yêu cầu gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản của nhà thầu để gửi báo giá và các tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư theo hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trong trường hợp này, nhà cung cấp không phải ký tên, đóng dấu theo yêu cầu tại ghi chú 12.

(2) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.

**PHỤ LỤC I: YÊU CẦU BÁO GIÁ BẢO DƯỠNG CÁC THIẾT BỊ Y TẾ**

( Kèm theo công văn số: 820 /KSBT-DVT ngày 22 tháng 08 năm 2023

| TT  | Danh mục TTB                      | Mô tả dịch vụ     | Số lượng | Đơn vị tính | Địa điểm thực hiện                 | Dự kiến ngày hoàn thành         |
|-----|-----------------------------------|-------------------|----------|-------------|------------------------------------|---------------------------------|
| (1) | (2)                               | (3)               | (4)      | (5)         | (6)                                | (7)                             |
| 1   | Kho Lạnh bảo quản vacxin          | Bảo dưỡng định kỳ | 1        | Cái         | <b>Trung tâm KSBT tỉnh Nghệ An</b> | <b>Từ tháng 9 - 12 năm 2023</b> |
| 2   | Tủ hấp                            | Bảo dưỡng định kỳ | 1        | Cái         |                                    |                                 |
| 3   | Tủ sấy                            | Bảo dưỡng định kỳ | 3        | Cái         |                                    |                                 |
| 4   | Máy đốt điện CTC                  | Bảo dưỡng định kỳ | 1        | Cái         |                                    |                                 |
| 5   | Máy áp lạnh CTC                   | Bảo dưỡng định kỳ | 1        | Cái         |                                    |                                 |
| 6   | Máy điện tim 3 cần                | Bảo dưỡng định kỳ | 1        | Bộ          |                                    |                                 |
| 7   | Máy điện tim 3 cần                | Bảo dưỡng định kỳ | 1        | Bộ          |                                    |                                 |
| 8   | Máy xét nghiệm nước tiểu          | Bảo dưỡng định kỳ | 1        | Máy         |                                    |                                 |
| 9   | Máy đo chức năng hô hấp           | Bảo dưỡng định kỳ | 1        | Bộ          |                                    |                                 |
| 10  | Máy Siêu âm xách tay 2D           | Bảo dưỡng định kỳ | 1        | Bộ          |                                    |                                 |
| 11  | Máy đo thính lực                  | Bảo dưỡng định kỳ | 1        | Bộ          |                                    |                                 |
| 12  | Bộ thử kính mắt                   | Bảo dưỡng định kỳ | 1        | Bộ          |                                    |                                 |
| 13  | Tủ sấy                            | Bảo dưỡng định kỳ | 1        | Cái         |                                    |                                 |
| 14  | Máy Huyết học Celltacα MEK6510    | Bảo dưỡng định kỳ | 1        | Máy         |                                    |                                 |
| 15  | Máy Huyết học Celltacα 6510k      | Bảo dưỡng định kỳ | 1        | Cái         |                                    |                                 |
| 16  | Máy sinh hóa AU 400               | Bảo dưỡng định kỳ | 1        | Máy         |                                    |                                 |
| 17  | Máy Ủ                             | Bảo dưỡng định kỳ | 1        | Máy         |                                    |                                 |
| 18  | Máy rửa                           | Bảo dưỡng định kỳ | 1        | Máy         |                                    |                                 |
| 19  | Máy đọc                           | Bảo dưỡng định kỳ | 1        | Máy         |                                    |                                 |
| 20  | Bộ vi tính                        | Bảo dưỡng định kỳ | 1        | Bộ          |                                    |                                 |
| 21  | Máy sinh hóa tự động A25          | Bảo dưỡng định kỳ | 1        | Máy         |                                    |                                 |
| 22  | Máy ủ, rửa bản giếng Elisa        | Bảo dưỡng định kỳ | 1        | Máy         |                                    |                                 |
| 23  | Máy in kết quả Elisa Canon2900    | Bảo dưỡng định kỳ | 1        | Máy         |                                    |                                 |
| 24  | Máy xét nghiệm huyết học XN - 330 | Bảo dưỡng định kỳ | 1        | Máy         |                                    |                                 |
| 25  | Máy huyết học                     | Bảo dưỡng định kỳ | 1        | Cái         |                                    |                                 |
| 26  | Máy nước tiểu                     | Bảo dưỡng định kỳ | 4        | Cái         |                                    |                                 |
| 27  | Tủ ấm                             | Bảo dưỡng định kỳ | 1        | Cái         |                                    |                                 |
| 28  | Tủ đựng mẫu sinh phẩm             | Bảo dưỡng định kỳ | 1        | Cái         |                                    |                                 |
| 29  | Máy siêu âm 4D                    | Bảo dưỡng định kỳ | 1        | Máy         |                                    |                                 |
| 30  | Máy siêu âm 4D                    | Bảo dưỡng định kỳ | 1        | Máy         |                                    |                                 |
| 31  | Kính HVQH                         | Bảo dưỡng định kỳ | 1        | Cái         |                                    |                                 |
| 32  | Kính hiển vi soi nổi SMZ445       | Bảo dưỡng định kỳ | 1        | Cái         |                                    |                                 |
| 33  | Kính hiển vi                      | Bảo dưỡng định kỳ | 1        | Cái         |                                    |                                 |
| 34  | Tủ lạnh                           | Bảo dưỡng định kỳ | 1        | Cái         |                                    |                                 |
| 35  | Tủ bảo quản 2-8° C                | Bảo dưỡng định kỳ | 1        | Cái         |                                    |                                 |
| 36  | Tủ âm sâu -20 <sup>0</sup> C      | Bảo dưỡng định kỳ | 1        | Cái         |                                    |                                 |
| 37  | Tủ bảo ôn                         | Bảo dưỡng định kỳ | 1        | Cái         |                                    |                                 |
| 38  | Tủ bảo ôn                         | Bảo dưỡng định kỳ | 1        | Cái         |                                    |                                 |
| 39  | Tủ ATSH                           | Bảo dưỡng định kỳ | 1        | Cái         |                                    |                                 |

TRUNG  
TÂM  
KIỂM  
BỆNH  
T.N

| TT  | Danh mục TTB               | Mô tả dịch vụ     | Số lượng | Đơn vị tính | Địa điểm thực hiện | Dự kiến ngày hoàn thành |
|-----|----------------------------|-------------------|----------|-------------|--------------------|-------------------------|
| (1) | (2)                        | (3)               | (4)      | (5)         | (6)                | (7)                     |
| 40  | Máy li tâm Kubota          | Bảo dưỡng định kỳ | 1        | Máy         |                    |                         |
| 41  | Kính hiển vi               | Bảo dưỡng định kỳ | 1        | Máy         |                    |                         |
| 42  | Kính hiển vi               | Bảo dưỡng định kỳ | 1        | Máy         |                    |                         |
| 43  | Kính hiển vi               | Bảo dưỡng định kỳ | 4        | Cái         |                    |                         |
| 44  | Máy ly tâm 24 lỗ           | Bảo dưỡng định kỳ | 1        | Cái         |                    |                         |
| 45  | Máy ly tâm 8 lỗ            | Bảo dưỡng định kỳ | 1        | Cái         |                    |                         |
| 46  | Máy hút âm                 | Bảo dưỡng định kỳ | 1        | Cái         |                    |                         |
| 47  | Máy siêu âm 3D             | Bảo dưỡng định kỳ | 1        | Máy         |                    |                         |
| 48  | Máy siêu âm 2D             | Bảo dưỡng định kỳ | 1        | Máy         |                    |                         |
| 49  | Máy Ủ nhiệt                | Bảo dưỡng định kỳ | 1        | Cái         |                    |                         |
| 50  | Tủ lạnh âm sâu -80         | Bảo dưỡng định kỳ | 1        | Tủ          |                    |                         |
| 51  | Tủ âm sâu -20 <sup>0</sup> | Bảo dưỡng định kỳ | 1        | Cái         |                    |                         |
| 52  | Máy Ly tâm lạnh            | Bảo dưỡng định kỳ | 1        | Cái         |                    |                         |
| 53  | Máy Ly tâm lạnh            | Bảo dưỡng định kỳ | 1        | Cái         |                    |                         |
| 54  | Tủ lạnh                    | Bảo dưỡng định kỳ | 1        | Cái         |                    |                         |
| 55  | Tủ Sấy                     | Bảo dưỡng định kỳ | 1        | Cái         |                    |                         |
| 56  | Tủ lạnh TCW 3000AC         | Bảo dưỡng định kỳ | 1        | Cái         |                    |                         |
| 57  | Tủ lạnh TCW 3000AC         | Bảo dưỡng định kỳ | 1        | Cái         |                    |                         |
| 58  | Tủ lạnh TCW 3000AC         | Bảo dưỡng định kỳ | 1        | Cái         |                    |                         |
| 59  | Tủ lạnh TCW 3000AC         | Bảo dưỡng định kỳ | 1        | Cái         |                    |                         |
| 60  | Tủ lạnh TCW 3000           | Bảo dưỡng định kỳ | 1        | Cái         |                    |                         |

**Ghi chú:** - Địa điểm thực hiện: Trung tâm KSBT tỉnh Nghệ An

## PHỤ LỤC II: YÊU CẦU BÁO GIÁ BẢO DƯỠNG CÁC THIẾT BỊ CHUYÊN DỤNG

( Kèm theo công văn số: 820/KSBT-DVT ngày 22 tháng 08 năm 2023

| TT  | Danh mục TTB                                                                      | Mô tả dịch vụ     | Số lượng | Đơn vị tính | Địa điểm thực hiện          | Dự kiến ngày hoàn thành  |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------|-------------------|----------|-------------|-----------------------------|--------------------------|
| (1) | (2)                                                                               | (3)               | (4)      | (5)         | (6)                         | (7)                      |
| 1   | Máy đo độ ồn                                                                      | Bảo dưỡng định kỳ | 1        | Máy         | Trung tâm KSBT tỉnh Nghệ An | Từ tháng 9 - 12 năm 2023 |
| 2   | Máy đo bụi hiện số ĐT                                                             | Bảo dưỡng định kỳ | 1        | Máy         |                             |                          |
| 3   | Máy đo ánh sáng                                                                   | Bảo dưỡng định kỳ | 1        | Máy         |                             |                          |
| 4   | Máy đo bụi                                                                        | Bảo dưỡng định kỳ | 1        | Máy         |                             |                          |
| 5   | Máy đo độ rung                                                                    | Bảo dưỡng định kỳ | 1        | Máy         |                             |                          |
| 6   | Máy đo ánh sáng                                                                   | Bảo dưỡng định kỳ | 1        | Máy         |                             |                          |
| 7   | Máy đo độ rung                                                                    | Bảo dưỡng định kỳ | 1        | Máy         |                             |                          |
| 8   | Máy đo phóng xạ                                                                   | Bảo dưỡng định kỳ | 1        | Máy         |                             |                          |
| 9   | Máy đo Vi khí hậu (Nhiệt độ, độ ẩm, tốc độ gió)                                   | Bảo dưỡng định kỳ | 1        | Máy         |                             |                          |
| 10  | Máy đo vi khí hậu (Nhiệt độ, độ ẩm)                                               | Bảo dưỡng định kỳ | 1        | Máy         |                             |                          |
| 11  | Máy đo khúc xạ mắt                                                                | Bảo dưỡng định kỳ | 1        | Máy         |                             |                          |
| 12  | Máy đo ánh sáng                                                                   | Bảo dưỡng định kỳ | 1        | Máy         |                             |                          |
| 13  | Lò nung                                                                           | Bảo dưỡng định kỳ | 1        | Cái         |                             |                          |
| 14  | Máy UV-VIS                                                                        | Bảo dưỡng định kỳ | 1        | Cái         |                             |                          |
| 15  | Cân phân tích                                                                     | Bảo dưỡng định kỳ | 1        | Cái         |                             |                          |
| 16  | Máy đo pH Model 3510                                                              | Bảo dưỡng định kỳ | 1        | Cái         |                             |                          |
| 17  | Bộ chung cất đạm UDK 139(Bếp phá mẫu Model DK6/48)                                | Bảo dưỡng định kỳ | 1        | Cái         |                             |                          |
| 18  | Máy chiết chất béo 3 chỗ                                                          | Bảo dưỡng định kỳ | 1        | cái         |                             |                          |
| 19  | Nồi cách thủy                                                                     | Bảo dưỡng định kỳ | 1        | cái         |                             |                          |
| 20  | Thiết bị phát hiện đơn khí Pac 6500 ( kèm cencer SO2)- Đo môi trường              | Bảo dưỡng định kỳ | 1        | Cái         |                             |                          |
| 21  | Thiết bị phát hiện đa khí X-am 8000 ( kèm cencer: CO,CO2, NO2,H2S – Đo môi trường | Bảo dưỡng định kỳ | 1        | Cái         |                             |                          |
| 22  | Tủ lạnh SANAKY                                                                    | Bảo dưỡng định kỳ | 1        | Cái         |                             |                          |
| 23  | Máy hút ẩm Akyo                                                                   | Bảo dưỡng định kỳ | 1        | Cái         |                             |                          |
| 24  | Bộ lọc chân không thủy tinh                                                       | Bảo dưỡng định kỳ | 1        | Cái         |                             |                          |
| 25  | Bộ lọc chân không                                                                 | Bảo dưỡng định kỳ | 1        | Cái         |                             |                          |
|     | Inox 3 kênh                                                                       | Bảo dưỡng định kỳ |          |             |                             |                          |
| 26  | Máy cất nước                                                                      | Bảo dưỡng định kỳ | 1        | Cái         |                             |                          |
| 27  | Máy HPLC                                                                          | Bảo dưỡng định kỳ | 1        | Cái         |                             |                          |
| 28  | Lò nung                                                                           | Bảo dưỡng định kỳ | 1        | Cái         |                             |                          |
| 29  | Máy cất nước 2 lần                                                                | Bảo dưỡng định kỳ | 1        | cái         |                             |                          |
| 30  | Máy cất nước 2 lần                                                                | Bảo dưỡng định kỳ | 1        | cái         |                             |                          |

**Ghi chú:** - Địa điểm thực hiện: Trung tâm KSBT tỉnh Nghệ An

**PHỤ LỤC III: YÊU CẦU BẢO GIÁ HIỆU CHUẨN, KIỂM ĐỊNH CÁC THIẾT BỊ Y  
TẾ, THIẾT BỊ CHUYÊN DỤNG**

(Kèm theo công văn số: 820 /KSBT-DVT ngày 22 tháng 08 năm 2023

| TT  | Danh mục TTB                                    | Mô tả dịch vụ |              | Số lượng | Đơn vị<br>tính | Địa điểm<br>thực hiện             | Dự<br>kiến<br>ngày<br>hoàn<br>thành |
|-----|-------------------------------------------------|---------------|--------------|----------|----------------|-----------------------------------|-------------------------------------|
| (1) | (2)                                             | (3)           |              | (4)      | (5)            | (6)                               | (7)                                 |
|     |                                                 | Hiệu<br>chuẩn | Kiểm<br>định |          |                |                                   |                                     |
| 1   | Tủ lạnh TCW 4000AC                              | x             |              | 1        | Cái            | Trung tâm<br>KSBT tỉnh<br>Nghệ An | Từ<br>tháng 9 -<br>12 năm<br>2023   |
| 2   | Tủ lạnh TCW 4000 AC                             | x             |              | 1        | Cái            |                                   |                                     |
| 3   | Tủ lạnh TCW 3000AC                              | x             |              | 1        | Cái            |                                   |                                     |
| 4   | Tủ lạnh TCW 3000AC                              | x             |              | 1        | Cái            |                                   |                                     |
| 5   | Tủ lạnh TCW 3000AC                              | x             |              | 1        | Cái            |                                   |                                     |
| 6   | Tủ lạnh TCW 3000AC                              | x             |              | 1        | Cái            |                                   |                                     |
| 7   | Tủ lạnh TCW 3000                                | x             |              | 1        | Cái            |                                   |                                     |
| 8   | Kho Lạnh bảo quản vacxin                        | x             |              | 1        | Cái            |                                   |                                     |
| 9   | Tủ hấp                                          | x             |              | 1        | Cái            |                                   |                                     |
| 10  | Tủ sấy                                          | x             |              | 3        | Cái            |                                   |                                     |
| 11  | Máy đo độ ồn                                    | x             | x            | 1        | Máy            |                                   |                                     |
| 12  | Máy đo bụi hiện số ĐT                           | x             | x            | 1        | Máy            |                                   |                                     |
| 13  | Máy đo ánh sáng                                 | x             | x            | 1        | Máy            |                                   |                                     |
| 14  | Máy đo bụi                                      | x             | x            | 1        | Máy            |                                   |                                     |
| 15  | Máy đo độ rung                                  | x             | x            | 1        | Máy            |                                   |                                     |
| 16  | Máy đo ánh sáng                                 | x             | x            | 1        | Máy            |                                   |                                     |
| 17  | Máy đo độ rung                                  | x             | x            | 1        | Máy            |                                   |                                     |
| 18  | Máy đo phóng xạ                                 | x             | x            | 1        | Máy            |                                   |                                     |
| 19  | Máy điện tim 3 cần                              | x             | x            | 1        | Bộ             |                                   |                                     |
| 20  | Máy điện tim 3 cần                              | x             | x            | 1        | Bộ             |                                   |                                     |
| 21  | Máy đo huyết áp điện tử                         |               | x            | 8        | Máy            |                                   |                                     |
| 22  | Máy xét nghiệm nước tiểu                        | x             |              | 1        | Máy            |                                   |                                     |
| 23  | Máy đo thính lực                                | x             |              | 1        | Bộ             |                                   |                                     |
| 24  | Máy đo Vi khí hậu (Nhiệt độ, độ ẩm, tốc độ gió) | x             | x            | 1        | Máy            |                                   |                                     |
| 25  | Máy đo vi khí hậu (Nhiệt độ, độ ẩm)             | x             | x            | 1        | Máy            |                                   |                                     |
| 26  | Máy đo khúc xạ mắt                              | x             | x            | 1        | Máy            |                                   |                                     |
| 27  | Máy đo ánh sáng                                 | x             |              | 1        | Máy            |                                   |                                     |
| 28  | Lò nung                                         | x             |              | 1        | Cái            |                                   |                                     |
| 29  | Tủ sấy                                          | x             |              | 1        | Cái            |                                   |                                     |
| 30  | Máy UV-VIS                                      | x             |              | 1        | Cái            |                                   |                                     |
| 31  | Bộ quả cân chuẩn                                | x             |              | 1        | Cái            |                                   |                                     |
| 32  | Cân phân tích                                   | x             |              | 1        | Cái            |                                   |                                     |
| 33  | Nhiệt ẩm kế hiện số                             | x             |              | 1        | Cái            |                                   |                                     |
| 34  | Nhiệt ẩm kế hiện số                             | x             |              | 1        | Cái            |                                   |                                     |
| 35  | Máy đo pH Model 3510                            | x             |              | 1        | Cái            |                                   |                                     |

| TT  | Danh mục TTB                                                                      | Mô tả dịch vụ |  | Số lượng | Đơn vị tính | Địa điểm thực hiện | Dự kiến ngày hoàn thành |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------|---------------|--|----------|-------------|--------------------|-------------------------|
| (1) | (2)                                                                               | (3)           |  | (4)      | (5)         | (6)                | (7)                     |
| 36  | Bộ chưng cất đậm UDK 139(Bếp phá mẫu Model DK6/48)                                | x             |  | 1        | Cái         |                    |                         |
| 37  | Máy chiết chât béo 3 chỗ                                                          | x             |  | 1        | cái         |                    |                         |
| 38  | Nồi cách thủy                                                                     | x             |  | 1        | cái         |                    |                         |
| 39  | Thiết bị phát hiện đơn khí Pac 6500 ( kèm cencer SO2)- Đo môi trường              | x             |  | 1        | Cái         |                    |                         |
| 40  | Thiết bị phát hiện đa khí X-am 8000 ( kèm cencer: CO,CO2, NO2,H2S – Đo môi trường | x             |  | 1        | Cái         |                    |                         |
| 41  | Tủ ẩm 37 <sup>0</sup> C                                                           | x             |  | 1        | Cái         |                    |                         |
| 42  | Tủ ẩm 25 <sup>0</sup> C                                                           | x             |  | 1        | Cái         |                    |                         |
| 43  | Tủ ẩm 44 <sup>0</sup> C                                                           | x             |  | 1        | Cái         |                    |                         |
| 44  | Tủ ẩm 41,5 <sup>0</sup> C                                                         | x             |  | 1        | Cái         |                    |                         |
| 45  | Cân kỹ thuật                                                                      | x             |  | 1        | Cái         |                    |                         |
| 46  | Nhiệt ẩm kế                                                                       | x             |  | 1        | Cái         |                    |                         |
| 47  | Tủ sấy                                                                            | x             |  | 1        | Cái         |                    |                         |
| 48  | Nồi hấp                                                                           | x             |  | 1        | Cái         |                    |                         |
| 49  | Máy FACSCOUNT                                                                     | x             |  | 1        | Máy         |                    |                         |
| 50  | Máy Huyết học Celltaca MEK6510                                                    | x             |  | 1        | Máy         |                    |                         |
| 51  | Máy Huyết học Celltaca 6510k                                                      | x             |  | 1        | Cái         |                    |                         |
| 52  | Máy sinh hóa AU 400                                                               | x             |  | 1        | Máy         |                    |                         |
| 53  | Máy Ủ                                                                             | x             |  | 1        | Máy         |                    |                         |
| 54  | Máy rửa                                                                           | x             |  | 1        | Máy         |                    |                         |
| 55  | Máy đọc                                                                           | x             |  | 1        | Máy         |                    |                         |
| 56  | Máy sinh hóa tự động A25                                                          | x             |  | 1        | Máy         |                    |                         |
| 57  | Máy ủ, rửa bản giếng Elisa                                                        | x             |  | 1        | Máy         |                    |                         |
| 59  | Máy xét nghiệm huyết học XN - 330                                                 | x             |  | 1        | Máy         |                    |                         |
| 60  | Máy huyết học                                                                     | x             |  | 1        | Cái         |                    |                         |
| 61  | Máy xn nước tiểu                                                                  | x             |  | 4        | Cái         |                    |                         |
| 62  | Tủ ẩm                                                                             | x             |  | 1        | Cái         |                    |                         |
| 63  | Tủ đựng mẫu sinh phẩm                                                             | x             |  | 1        | Cái         |                    |                         |
| 64  | Máy siêu âm 4D                                                                    | x             |  | 1        | Máy         |                    |                         |
| 65  | Máy siêu âm 4D                                                                    | x             |  | 1        | Máy         |                    |                         |
| 66  | Máy đọc Real Time PCR Abbot                                                       | x             |  | 1        | Máy         |                    |                         |
| 67  | Máy tách tự động ABBOT                                                            | x             |  | 1        | Máy         |                    |                         |
| 68  | Kính HVQH                                                                         | x             |  | 1        | Cái         |                    |                         |
| 69  | Kính hiển vi soi nổi SMZ445                                                       | x             |  | 1        | Cái         |                    |                         |
| 70  | Tủ lạnh SANAKY                                                                    | x             |  | 1        | Cái         |                    |                         |
| 71  | Máy hút ẩm Akyo                                                                   | x             |  | 1        | Cái         |                    |                         |
| 72  | Tủ lạnh âm Panasonic                                                              | x             |  | 1        | Máy         |                    |                         |